TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 323/2018/DS-PT
Ngày: 24 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thuý

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 264/2018/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 5xx, ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 6xx, khu phố x, phườngP, thành phố, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 2xx, ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:*

Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 3xx đường T, khu phố B, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm C trình bày:

Bà Nguyễn Thị D có tham gia 04 dây hụi do chị Nguyễn Thị Cẩm C làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 06/8/2014 âm lịch gồm có 24 phần, bà D tham gia 01 phần, bà D đóng hụi được 01 lần với số tiền 4.000.000 đồng. Tháng 9/2014 âm lịch bà D hốt hụi với số tiền là 88.000.000 đồng, cộng với 5.000.000 đồng đóng tiền hụi chết nên bà D được nhận 93.000.000 đồng. Tiền huê hồng trong dây hụi này là 2.500.000 đồng nên chị C đã giao bà D số tiền 90.500.000 đồng. Bà D có nghĩa vụ đóng hụi lại cho chị C số tiền là 110.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 06/8/2014 âm lịch gồm có 24 phần, bà D tham gia 01 phần và hốt hụi đầu tiên với số tiền 92.000.000 đồng. Tiền huê hồng trong dây hụi này là 2.500.000 đồng nên chị C đã giao cho bà D số tiền 89.500.000 đồng. Bà D có nghĩa vụ đóng hụi lại cho chị C số tiền là 115.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 10/3/2015 âm lịch gồm có 25 phần, bà D tham gia 02 phần, bà D hốt ngày 10/7/2015 âm lịch với số tiền là 64.400.000 đồng cộng với 2.000.000 đồng tiền hụi chết là 66.400.000 đồng. Tiền huê hồng trong dây hụi này là 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/phần) nên chị C đã giao cho bà D số tiền 64.400.000 đồng. Bà D có nghĩa vụ đóng hụi lại cho chị C số tiền là 92.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng khui ngày 10/3/2015 âm lịch gồm có 25 phần, bà D tham gia 02 phần, bà D hốt đầu tiên với số tiền là 67.200.000 đồng. Tiền huê hồng trong dây hụi này là 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/phần) nên chị C đã giao cho bà D số tiền 65.200.000 đồng. Bà D có nghĩa vụ đóng hụi lại cho chị C số tiền là 96.000.000 đồng.

Tại giấy giao tiền hốt hụi ngày 06/8/2014 có sai sót khi bà D hốt hụi đầu tiên nên ngày hốt hụi thực tế là ngày 06/8/2014 nhưng lại ghi là ngày 06/8/2015. Tại giấy giao tiền hốt hụi ngày 06/9/2014 có sai sót khi bà D hốt hụi lần thứ 02 nên ngày hốt hụi thực tế là ngày 06/9/2014 nhưng lại ghi là ngày 06/9/2015. Tuy nhiên, sai sót này là do đánh máy bị nhầm chứ thực tế ngày khui hụi và ngày giao tiền hụi

là hoàn toàn trùng khớp với nhau. Do bà D đã nhận đủ tiền hụi của chị C giao nên đã ký tên dưới mục người nhận trong giấy giao tiền hốt hụi.

Tại giấy giao tiền hốt hụi ngày 10/3/2015 có sai sót khi thực tế số tiền giao hụi là 92.000.000 đồng nhưng lại ghi là 184.000.000 đồng. Tại giấy giao tiền hốt hụi ngày 10/3/2015 có sai sót khi thực tế số tiền giao hụi là 96.000.000 đồng nhưng lại ghi là 192.000.000 đồng. Tuy nhiên, sai sót này là do đánh máy bị nhầm nên chị C cũng chỉ yêu cầu bà D trả số tiền là 92.000.000 đồng và 96.000.000 đồng.

Trong tất cả 04 dây hụi nêu trên, sau khi bà D hốt hụi chị C đều đã giao đầy đủ tiền hụi cho bà D và bà D đều có ký tên vào các giấy giao tiền hốt hụi mà chị C đã cung cấp cho Toà án. Sau khi hốt hụi, bà D có nghĩa vụ đóng hụi lại cho chị C với tổng số tiền là 413.000.000 đồng nhưng đến thời điểm hiện tại bà D chưa đóng lại cho chị C số tiền nào. Do đó, nay chị C yêu cầu bà D trả cho chị C số tiền nợ hụi là 413.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị C là danh sách hụi viên lập ngày 06/8/2014 âm lịch và 02 danh sách hụi viên lập cùng ngày 10/3/2015 âm lịch có chữ ký của bà D; các đơn xác nhận của những người tham gia chơi hụi chung với bà D đều xác nhận bà D có tham gia chơi hụi của chị C; các giấy giao tiền hốt hụi ngày 06/8/2014 âm lịch, ngày 06/9/2014 âm lịch, ngày 10/3/2015 âm lịch và ngày 10/4/2015 âm lịch đều có chữ ký của bà D; lời thừa nhận của bà D tại bản tự khai và các đơn yêu cầu Toà án thu thập chứng cứ; lời thừa nhận của người đại diện theo uỷ quyền của bà D tại biên bản hoà giải của Toà án; kết luận giám định của cơ quan chuyên môn khẳng định chữ ký là của bà D.

Chị C đã nhận được kết luận giám định của Công an tỉnh Bến Tre cũng như kết luận giám định của Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh do Toà án cung cấp. Chị C đồng ý với kết luận giám định nên không có ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà thừa nhận có chơi hụi như phía chị Nguyễn Thị Cẩm C trình bày. Cụ thể bà có tham gia chơi 02 phần trong dây hụi 5.000.000 đồng và 04 phần trong dây hụi 2.000.000 đồng do chị C làm chủ hụi. Các dây hụi này đã mãn từ tháng 6/2016 âm lịch. Bà thừa nhận chữ ký trong các giấy giao tiền hốt hụi do chị C cung cấp là của mình. Tuy nhiên các giấy này là do chị C lập lại sau này và buộc bà phải ký tên vào. Do bà không biết chữ, đọc chữ không chạy, bị bệnh lãng tai, chị C nói thế này nhưng ghi thế khác, bà không biết nội dung ghi thế nào và do còn nợ tiền vay của chị C nên bị chị C lừa dối, ép buộc bà ký tên vào chứ chị C không có giao tiền hốt hụi cho bà mà thực tế chị C cấn trừ vào số tiền vay trước đó. Sau khi chị C hốt hụi cấn trừ nợ, hàng tháng bà đều đóng hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng cho chị C

đến mãn hụi. Bà đã đóng hụi cho chị C đầy đủ, không thiếu tháng nào nên không đồng ý theo yêu cầu của chị C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị D là bà Phạm Thị Kim Tuyến trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị D có nợ 900.000.000 đồng tiền vay của chị Nguyễn Thị Cẩm C. Để trả số nợ này, chị C có gầy cho bà D 04 dây hụi do chị C làm chủ hụi (02 dây 500.000 đồng và 02 dây 2.000.000 đồng). Trong quá trình chơi hụi, chị C hốt các phần hụi do bà D tham gia nhưng chị C không giao tiền hụi cho bà D mà dùng số tiền hốt hụi này để cấn trừ vào số tiền bà D còn nợ chị C. Hàng tháng bà D đều đóng hụi chết cho chị C đầy đủ. Số tiền bà D nợ chị C 900.000.000 đồng cũng đã giải quyết xong trong vụ án khác. Các giấy giao tiền hốt hụi do chị C cung cấp là do chị C lặp lại sau này chứ không phải ngay từ đầu. Bà D thừa nhận các chữ ký trong các giấy giao tiền này là của bà nhưng do bà D không đọc lại, không hiểu chữ nghĩa, không nghe rõ nên đã ký vào. Các giấy giao tiền này có rất nhiều điểm không đúng, không phù hợp nên không có giá trị pháp lý. Bà D khẳng định không còn nợ tiền hụi của chị C nên không đồng ý theo yêu cầu của chị C. Do bà D không có trực tiếp chơi hụi nên không biết danh sách các hụi viên cùng chơi. Bà D yêu cầu chị C cung cấp danh sách các hụi viên để làm rõ việc này.

Tại biên bản hoà giải ngày 05/9/2018 cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị D là bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Bà D khẳng định không có tham gia bất kỳ dây hụi nào do chị C làm chủ hụi. Bà D không hề ký vào bất kỳ giấy tờ nào do chị C cung cấp và cũng chưa bao giờ đóng tiền hụi cho chị C. Hiện tại bà D không có nợ tiền hụi của chị C nên không đồng ý theo yêu cầu của chị C. Do có sự nhầm lẫn nên trước đây bà D thừa nhận chữ ký trong giấy giao tiền là của bà chứ thực tế đó không phải là chữ ký của bà D.

Bà D đã nhận được kết luận giám định của Công an tỉnh Bến Tre cũng như kết luận giám định của Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh do Toà án cung cấp. Bà D không thừa nhận chữ ký trong các giấy giao tiền hốt hụi ngày 06/8/2018 âm lịch, ngày 06/9/2014 âm lịch, ngày 10/3/2015 âm lịch và ngày 10/4/2015 âm lịch do chị C cung cấp là của mình. Tuy nhiên, bà D không yêu cầu giám định vì bà D đã không còn niềm tin.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà D là bảng ghi thính lực đồ (BL 76, 77) và phiếu thính học (BL 79) chứng minh bà D bị lãng tai.

Tại các giấy giao tiền hốt hụi do chị C cung cấp cho Toà án có rất nhiều điểm không phù hợp như: Ngày khui hụi là ngày 06/8/2014 nhưng ngày hốt hụi ghi là ngày 06/8/2015; ngày khui hụi là ngày 06/9/2014 nhưng ngày hốt hụi ghi là

ngày 06/9/2015; Số tiền hốt hụi là 92.000.000 đồng nhưng lại ghi là 184.000.000 đồng; số tiền hốt hụi là 96.000.000 đồng nhưng lại ghi là 192.000.000 đồng. Do đó, không có cơ sở để xem xét tính hợp pháp của các giấy giao tiền hốt hụi này.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Châu Thành đem vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 21/9/2018 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Cẩm C đối với bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu trả số tiền nợ hụi. Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm C số tiền nợ hụi là 413.000.000 (Bốn trăm mười ba triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị D kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre huỷ bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 21/9/2018 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện theo uỷ quyền của phía nguyên đơn cho rằng bà D có tham gia 04 dây hụi do chị Nguyễn Thị Cẩm C làm chủ hụi và bà D cũng đã hốt toàn bộ 04 dây hụi nêu trên. Sau khi hốt hụi bà D không đóng hụi lại và hiện tại bà D còn nợ chị C 413.000.000 đồng. Nay chị C yêu cầu bà D trả số tiền hụi này và không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị C là danh sách hụi viên lập ngày 06/8/2015 âm lịch và 02 danh sách hụi viên lập cùng ngày 10/3/2015 âm lịch có chữ ký của bà D; các đơn xác nhận của những người tham gia chơi hụi chung với bà D đều xác nhận bà D có tham gia chơi hụi của chị C, các giấy giao

tiền hốt hụi ngày 06/8/2014 âm lịch, ngày 06/9/2014 âm lịch, ngày 10/3/2015 âm lịch và ngày 10/4/2015 âm lịch đều có chữ ký của bà D; lời thừa nhận của bà D tại các bản tự khai và các đơn yêu cầu Toà án thu thập chứng cứ; lời thừa nhận của người đại diện theo uỷ quyền của bà D tại biên bản hoà giải của Toà án; kết luận giám định của cơ quan chuyên môn đều khẳng định chữ ký là của bà D.

[2] Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và bị đơn thừa nhận tại các bản khai cũng như biên bản hoà giải rằng bà D có tham gia các dây hụi cho chị C làm chủ hụi, bà D cũng thừa nhận có ký tên vào các tờ danh sách hụi viên và các tờ giấy giao tiền hụi, nhưng khi ký tên bà không có xem lại nội dung vì nghĩ rằng mình đang thiếu nợ chị C, bà bị lãng tai và ít học nên không nghe rõ cũng như không hiểu hết những gì chị C nói. Bà D không có nhận tiền hốt hụi mà cấn trừ vào số tiền mà bà đã vay của chị C, bà cũng đã đóng đầy đủ tiền hụi chết hàng tháng cho chị C nên không có nợ tiền hụi của chị C số tiền 413.000.000 đồng như chị C trình bày. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm bà D và người đại diện theo uỷ quyền của bà D phủ nhận bà D không có tham gia dây hụi nào của chị C, bà cũng không có ký tên vào những văn bản mà phía nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét thấy, mặc dù người đại diện theo uỷ quyền của bà D và bà D phủ nhận toàn bộ lời khai và lời trình bày của mình trước đó, không thừa nhận việc bà D có chơi hụi của chị C nhưng căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như bản tự khai, biên bản hoà giải, danh sách hụi viên, giấy giao tiền hụi đều có chữ ký của bà D; đồng thời tại các bản kết luận giám định cũng khẳng định các chữ ký trong những văn bản này đều là chữ ký của bà D. Do đó, có căn cứ cho rằng bà D có tham gia các dây hụi do chị C lập. Tuy nhiên, việc chị C cho rằng bà D hốt 04 dây hụi nhưng không đóng hụi chết lại cho chị tháng nào là không hợp lý. Các dây hụi mà chị C gầy nên đều có giá trị lớn nhưng chị C lại cho bà D tiếp tục tham gia chơi các dây hụi kế tiếp trong khi các dây hụi trước bà D chưa đóng hụi chết tháng nào, chị C cũng không có yêu cầu bà D phải trả tiền các dây hụi trước rồi mới được tiếp tục chơi các dây hụi tiếp theo. Hơn nữa, ở dây hụi thứ ba và dây hụi thứ tư khui ngày 10/3/2015 âm lịch chị C còn cho bà D hốt một lần hai phần hụi trong khi tiền hụi chết của hai dây hụi trước đó bà D chưa đóng tháng nào, việc bà D thiếu nợ hụi chị C cũng không được ghi lại trong giấy tờ hay sổ sách nào. Các văn bản mà chị C cung cấp cũng như tại các biên bản làm việc với toà chỉ thể hiện bà D có tham gia chơi hụi và có nhận tiền hốt hụi từ chị C. Ngoài ra, không có chứng cứ nào chứng minh bà D chưa đóng tiền hụi chết cho chị C, đơn xác nhận của những người chơi hụi do phía chị C cung cấp cũng chỉ có ý nghĩa chứng tỏ rằng bà D có

tham gia các dây hụi do chị C lập chứ không có căn cứ thể hiện việc nợ hụi của bà D với chị C. Như vậy, đối với việc chị C cho rằng bà D nợ hụi của chị số tiền 413.000.000 đồng là không có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy giao hụi do nguyên đơn cung cấp thì thể hiện khui hàng tháng chỉ có một người hốt, nhưng theo giấy giao tiền ngày 10/3/2015 là giấy giao hụi sau cùng, bà C hốt hụi với số tiền là 33.200.000 đồng trong khi đó ghi bà D hốt hụi hai phần là 66.400.000 đồng, nhưng trong giấy giao hụi lại ghi số tiền phải đóng là 92.000.000 đồng là không đúng, bà D chỉ phải đóng lại số tiền hụi chết là 46.000.000 đồng. Do đó, chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với giấy hụi sau cùng (ngày 10/3/2015) với số tiền phải đóng là 46.000.000 đồng. Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

[4] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên chị Nguyễn Thị Cẩm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu mà không được chấp nhận.

Vì kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2016 về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm C. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm C số tiền nợ hụi là 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm C đối với bà Nguyễn Thị D về việc trả số tiền hụi là 367.000.000 (Ba trăm sáu mươi bảy triệu) đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ chịu chi phí giám định là 3.270.000 (Ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn) đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm C phải chịu 18.350.000 (Mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.260.000 (Mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số: 0012706 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Châu Thành. Chị C còn phải tiếp tục nộp số tiền là 8.090.000 (Tám triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị D phải chịu 2.300.000 (Hai triệu ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương